rèn rén zǎi gē

任人宰割

verb · to get trampled on (idiom)

Example Sentence

zài fù zá de tóu zī shì chǎng zhōng tā cóng wèi jiāng zì jǐ shì wèi rèn rén zǎi gē de liè wù
在复杂的投资市 场 中 ， 他 从 未 将 自己视为任人宰割的猎物。

In the complex investment market, he never considered himself as prey to be slaughtered.

Trace each character, then write the word on your own.